



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1

Số: 103 /2023/YEG/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Yeah1 (“Công ty”) giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2022 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái; và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2022 có biến động trên năm phần trăm (5%), cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2022 so với năm 2021:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sau kiểm toán năm 2022 so với năm 2021

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022 (1)	Năm 2021 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	9.663.107.327	(216.346.811.598)	226.009.918.925

Lợi nhuận sau thuế TNDN công ty mẹ năm 2022 tăng 226.009.918.925 đồng so với cùng kỳ là trong năm 2021 Công ty có ghi nhận các khoản lập dự phòng đầu tư vào các công ty con dẫn đến sự chênh lệch này.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán năm 2022 so với năm 2021

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022 (1)	Năm 2021 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tăng/(giảm) %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.890.860.314	29.990.231.362	(5.099.371.048)	(17,00%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất sau kiểm toán năm 2022 giảm 5.099.371.048 đồng, tương ứng giảm 17% so với cùng kỳ là do trong năm 2021 Công ty đã ghi nhận khoản lãi thoái vốn từ việc chuyển nhượng cổ phần các công ty con.

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trước và sau kiểm toán năm 2022:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022 Sau kiểm toán (2)	Năm 2022 Trước kiểm toán (1)	Chênh lệch (3)=(2)-(1)	Tăng/(giảm) %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.890.860.314	31.456.761.848	(6.565.901.534)	(20,87%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất sau kiểm toán năm 2022 giảm 6.565.901.534 đồng so với trước kiểm toán chủ yếu là do việc điều chỉnh ghi nhận một số khoản doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu tài chính của Tập đoàn trong năm.

PHỔ
P
E
/

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất sau kiểm toán năm 2022 đã được đăng tải trên website của Công ty: www.yeah1group.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 tháng 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B01 – DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B02 – DN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B03 – DN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B09 – DN)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 28 ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Chủ tịch (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Hoài Nam	Phó Chủ tịch (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên (từ ngày 21 tháng 12 năm 2022)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022 đến ngày 21 tháng 12 năm 2022)
Ông Don Di Lam	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Quốc Bảo	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Lý Trường Chiến	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Hoàng Đức Trung	Thành viên (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc
	Ông Chế Đoàn Viên	Quyền Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2023)
	Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 9 năm 2022)
	Bà Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022)
	Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022 đến ngày 1 tháng 3 năm 2023)
	Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 2 năm 2022)
	Ông Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 9 năm 2022)
	Ông Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
	Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Người đại diện theo pháp luật	Bà Lê Phương Thảo Ông Đào Phúc Trí	Chủ tịch Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty đối với Báo cáo Tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính riêng

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 6 đến trang 48. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Phương Thảo
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính riêng này bao gồm: bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính riêng bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0048-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Võ Ngọc Huyền
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13616
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		291.336.732.031	585.248.385.719
110	Tiền		17.365.013.108	637.309.463
111	Tiền	3	17.365.013.108	637.309.463
120	Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		50.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		50.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		272.339.132.314	583.014.813.478
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.748.139.261	36.013.324.374
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		156.181.002	-
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	173.136.646.038	174.232.088.739
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	91.598.166.013	392.869.400.365
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(20.300.000.000)	(20.100.000.000)
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.582.586.609	1.596.262.778
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	1.582.586.609	220.355.550
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14(a)	-	1.375.907.228

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

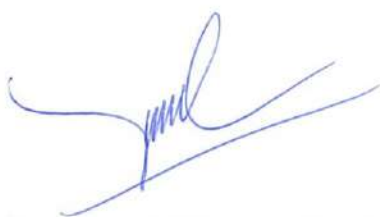
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.003.844.072.670	727.685.825.687
210	Các khoản phải thu dài hạn		220.139.444.500	73.865.041.288
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	119.000.000.000	70.307.121.785
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	101.139.444.500	3.557.919.503
220	Tài sản cố định		2.108.361.872	6.783.178.926
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	293.235.502	407.975.684
222	Nguyên giá		1.833.778.240	4.937.142.786
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.540.542.738)	(4.529.167.102)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	1.815.126.370	6.375.203.242
228	Nguyên giá		2.524.382.154	7.024.382.154
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(709.255.784)	(649.178.912)
240	Tài sản dở dang dài hạn		5.000.000.000	5.086.363.637
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.000.000.000	5.086.363.637
250	Đầu tư tài chính dài hạn		774.002.931.326	639.469.441.165
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.206.677.412.233	1.074.515.628.233
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	17.715.625.000	9.615.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(a), 4(b)	(450.390.105.907)	(444.661.812.068)
260	Tài sản dài hạn khác		2.593.334.972	2.481.800.671
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	2.593.334.972	2.481.800.671
270	TỔNG TÀI SẢN		1.295.180.804.701	1.312.934.211.406

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2022 VND	2021 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		113.841.039.853	139.015.351.185
310	Nợ ngắn hạn		113.841.039.853	139.015.351.185
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	1.426.835.606	4.670.372.687
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	-	1.338.000.000
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14(b)	3.441.434.852	2.206.475.636
314	Phải trả người lao động		1.525.057.726	4.115.112.813
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.414.710.929	1.303.195.829
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	60.822.591.340	103.508.092.337
320	Vay ngắn hạn	17	43.210.409.400	21.874.101.883
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.181.339.764.848	1.173.918.860.221
410	Vốn chủ sở hữu		1.181.339.764.848	1.173.918.860.221
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	312.799.680.000	312.799.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		312.799.680.000	312.799.680.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	550.873.478.254	550.873.478.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	317.666.606.594	310.245.701.967
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		308.003.499.267	526.592.513.565
421b	- LNST/(lỗ) của năm nay		9.663.107.327	(216.346.811.598)
440	TỔNG NGUỒN VỐN		1.295.180.804.701	1.312.934.211.406



Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập/ Kế toán trưởng



Chế Đoàn Viên
Quyền Phó Tổng Giám đốc
Tài chính




Lê Phương Thảo
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.893.398.706	31.300.338.617
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.893.398.706	31.300.338.617
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(30.332.433.385)	(31.134.353.836)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.560.965.321	165.984.781
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28.257.430.684	257.066.800.574
22	Chi phí tài chính	(7.297.483.988)	(426.261.224.928)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(1.569.190.149)	(754.848.361)
25	Chi phí bán hàng	(52.269.317)	(826.948.996)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(13.702.766.739)	(22.526.115.450)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	19.765.875.961	(192.381.504.019)
31	Thu nhập khác	2.825.258.596	-
32	Chi phí khác	(12.928.027.230)	(22.178.146.704)
40	Lỗ khác	(10.102.768.634)	(22.178.146.704)
50	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	9.663.107.327	(214.559.650.723)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	(1.787.160.875)
52	Thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	9.663.107.327	(216.346.811.598)



Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập/ Kế toán trưởng



Chế Đoàn Viên
Quyền Phó Tổng Giám đốc
Tài chính




Lê Phương Thảo
Chủ tịch
Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	9.663.107.327	(214.559.650.723)
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	210.726.145	489.189.071
03	Dự phòng	5.928.293.839	431.886.376.567
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(30.553.780.048)	(257.066.800.574)
06	Chi phí lãi vay	1.569.190.149	754.848.361
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(13.182.462.588)	(38.496.037.298)
09	Tăng các khoản phải thu	(49.590.006.110)	(9.203.991.023)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(43.162.851.344)	35.241.258.019
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	(1.473.765.360)	16.933.139.801
14	Tiền lãi vay đã trả	(406.534.355)	(555.183.977)
15	Thuế TNDN đã nộp	(10.423.299)	(1.503.119.750)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(107.826.043.056)	2.416.065.772
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ	(35.909.091)	(454.545.455)
23	Tiền chi cho vay	(320.287.581.035)	(201.111.285.967)
24	Tiền thu hồi cho vay	345.171.745.521	175.589.459.289
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(150.964.984.000)	(1.684.216.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	189.210.452.833	6.394.547.167
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	30.834.714.956	2.799.516
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	93.928.439.184	(21.263.241.450)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ vay ngắn hạn	53.189.675.636	81.638.567.260
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(22.564.368.119)	(64.311.579.072)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	30.625.307.517	17.326.988.188
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	16.727.703.645	(1.520.187.490)
60	Tiền đầu năm	3	637.309.463
70	Tiền cuối năm	3	17.365.013.108


 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Người lập/ Kế toán trưởng


 Chế Đoàn Viên
 Quyền Phó Tổng Giám đốc
 Tài chính


 Lê Phương Thảo
 Chủ tịch
 Ngày 31 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 28 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 7 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán - Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là “YEG”.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp, 4 công ty sở hữu gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 11 công ty con sở hữu trực tiếp, 5 công ty sở hữu gián tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 58 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 41 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối năm tài chính khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.9 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng năm theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối năm tài chính. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.10 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và chi phí lãi vay.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.25 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN

	2022	2021
	VND	VND
Tiền mặt	56.601.896	400.319.892
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.308.411.212	236.989.571
	<u>17.365.013.108</u>	<u>637.309.463</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư vào công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	2022			2021				
				Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
1	Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình truyền hình	99,00	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000	(*)	29.700.000.000
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất phim	99,98	399.900.000.000	(*)	383.785.632.263	(*)	399.900.000.000	(*)	367.654.331.414
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại sự trẻ	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	67,00	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000	(*)	6.300.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại GIGA1	TP. Hồ Chí Minh	Các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật và giải trí	99,98	588.167.412.233	(*)	-	(*)	588.167.412.233	(*)	-
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam (ii)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	99,89	79.910.000.000	(*)	-	(*)	810.000.000	(*)	810.000.000
6	Công ty Cổ phần YAG Entertainment	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động chiếu phim, hoạt động hậu kỳ, ghi âm và xuất bản âm nhạc	99,70	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000	(*)	15.640.000.000
7	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (iii)	TP. Hà Nội	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	76.500.000.000	(*)	-	(*)	-	-	-
8	Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam (i)	TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động hậu kỳ, chiếu phim, ghi âm và xuất bản âm nhạc	70,00	10.538.000.000	(*)	5.348.848.644	(*)	10.538.000.000	(*)	5.348.848.644
9	Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1 (i)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	50,98	12.000.000	(*)	-	(*)	12.000.000	(*)	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số (i)	Tỉnh Bến Tre	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00	10.000.000	(*)	-	(*)	10.000.000	(*)	-
11	Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 (iv)	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, thiết kế website	99,00	-	-	-	(*)	14.850.000.000	(*)	2.762.416.010
12	Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform (v)	TP. Hồ Chí Minh	Công xử lý dữ liệu thông tin, dịch vụ thông tin, quảng cáo	99,98	-	-	-	(*)	8.588.216.000	(*)	8.588.216.000
					1.206.677.412.233		440.774.480.907		1.074.515.628.233		436.803.812.068

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm theo vốn điều lệ tại các công ty con này.
- (ii) Trong năm 2022, Công ty đã tăng số vốn góp tương ứng với số tiền 79.100.000.000 Đồng để nâng giá trị khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam từ 810.000.000.000 Đồng lên 79.910.000.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã nâng quyền sở hữu và biểu quyết tại Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam từ 90,00% lên 99,89%.
- (iii) Trong năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc mua 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") với tổng giá trị chuyển nhượng là 76.500.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã nắm quyền kiểm soát tại STV. Cũng theo việc chuyển nhượng này, công ty TNHH MTV Style TV đã trở thành công ty con gián tiếp của Công ty.
- (iv) Trong năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 với tổng giá trị chuyển nhượng 14.850.000.000 Đồng. Công ty không phát sinh lãi, lỗ từ việc thanh lý này. Cũng theo việc chuyển nhượng này, công ty Cổ phần ZeroZ Creative hiện đang có phần vốn góp của Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1 không còn là công ty con gián tiếp của Công ty.
- (v) Trong năm 2022, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform với tổng giá trị chuyển nhượng 13.983.200.000 Đồng. Công ty không phát sinh lãi, lỗ từ việc thanh lý này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty có các công ty con gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động chính	2022		2021	
				Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %	Quyền sở hữu %	Quyền biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Gigagoods	TP. Hồ Chí Minh	Bán lẻ	50,99	51,00	50,99	51,00
2	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	58,99	59,00	58,99	59,00
3	Công ty TNHH Yeah1 Up	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99	100,00	-	-
4	Công ty TNHH MTV Style TV	TP. Hồ Chí Minh	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00	100,00	-	-
5	Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ quảng cáo	-	-	99,63	100,00
6	Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất phim và dịch vụ thiết kế chuyên nghiệp	-	-	94,05	95,00
7	Công ty TNHH Thương mại Yeah1	TP. Hồ Chí Minh	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, dịch vụ quảng cáo	-	-	50,99	51,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B09 – DN

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)
(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Hoạt động chính	2022				2021			
		Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Quyền sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC Công ty Cổ phần Gamify Việt Nam	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	4,40	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Shopinness	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000	15,00	1.858.000.000	(*)	1.858.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming (i)	Công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	10,00	1.757.625.000	(*)	1.757.625.000	10,00	1.757.625.000	(*)	-
		18,00	8.100.000.000	(*)	-	-	-	-	-
			17.715.625.000		9.615.625.000		9.615.625.000		7.858.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i) Trong năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming với số tiền là 8.100.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã nắm 18% tỷ lệ sở hữu và 18% quyền biểu quyết tại công ty này.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	6.480.000.000	1.564.386.222
Công ty Cổ phần Giải trí TKK	4.320.000.000	-
Khác	6.660.887.713	2.822.473.874
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	10.287.251.548	31.626.464.278
	<u>27.748.139.261</u>	<u>36.013.324.374</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Ông Trần Minh Việt (*)	76.540.600.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số (**)	24.939.396.607	-
Khác (**)	36.035.133.315	-
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b)) (**)	35.621.516.116	174.232.088.739
	<u>173.136.646.038</u>	<u>174.232.088.739</u>

(*) Số dư thể hiện khoản cho vay với lãi suất 8%/năm, có thời hạn cho vay dưới 12 tháng và được đảm bảo bằng cổ phần của bên thứ ba tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital.

(**) Số dư thể hiện các khoản cho vay với lãi suất từ 6%/năm đến 8,7%/năm, có thời hạn cho vay dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)**(b) Dài hạn**

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Vital Investment Group (*)	119.000.000.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung Số	-	39.090.075.288
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	-	31.217.046.497
	<u>119.000.000.000</u>	<u>70.307.121.785</u>

(*) Số dư thể hiện khoản cho vay với lãi suất 8,5%/năm, có thời hạn cho vay trên 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu về cho vay nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7 PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng cho nhân viên	30.220.039.367	-	73.456.925.660	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	17.500.000.000	(17.500.000.000)	17.500.000.000	(17.500.000.000)
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	13.983.200.000	-	250.901.052.833	-
Phải thu lãi	10.809.025.678	(2.100.000.000)	3.464.219.172	(2.100.000.000)
Đặt cọc	1.477.711.125	(700.000.000)	1.000.000.000	(500.000.000)
Tạm ứng thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	2.242.202.700	-
Phải thu cổ tức	16.999.811.111	-	44.160.000.000	-
Khác	608.378.732	-	145.000.000	-
	<u>91.598.166.013</u>	<u>(20.300.000.000)</u>	<u>392.869.400.365</u>	<u>(20.100.000.000)</u>
Trong đó:				
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	25.666.935.320	-	58.155.877.069	-
Bên thứ ba	65.931.230.693	(20.300.000.000)	334.713.523.296	(20.100.000.000)
	<u>91.598.166.013</u>	<u>(20.300.000.000)</u>	<u>392.869.400.365</u>	<u>(20.100.000.000)</u>

7 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Mai Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 Đồng, trong đó, Công ty đồng ý góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 Đồng và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 Đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2018, Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này (Thuyết minh 8).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán là 20.600.000.000 Đồng, như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

(b) Dài hạn

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	100.565.000.000	-	-	-
Đặt cọc	574.444.500	-	110.000.000	-
Bảo lãnh thanh toán	-	-	3.447.919.503	-
	<u>101.139.444.500</u>	<u>-</u>	<u>3.557.919.503</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba	101.139.444.500	-	110.000.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	-	-	3.447.919.503	-
	<u>101.139.444.500</u>	<u>-</u>	<u>3.557.919.503</u>	<u>-</u>

(*) Số dư thể hiện khoản tạm ứng hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Unicorn Venture về dự án đầu tư các start-up. Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng, dự án vẫn đang trong quá trình triển khai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải thu dài hạn khác nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 NỢ KHÓ ĐÒI

	2022			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	300.000.000	(700.000.000)	Từ 2 năm đến 3 năm
	<u>20.600.000.000</u>	<u>300.000.000</u>	<u>(20.300.000.000)</u>	
	2021			Thời gian quá hạn
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	Từ 2 năm đến 3 năm
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	500.000.000	(500.000.000)	Từ 1 năm đến 2 năm
	<u>20.600.000.000</u>	<u>500.000.000</u>	<u>(20.100.000.000)</u>	

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ trả trước	1.159.452.787	210.976.827
Công cụ, dụng cụ	423.133.822	9.378.723
	<u>1.582.586.609</u>	<u>220.355.550</u>

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

Biến động về chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	220.355.550	3.717.952.045
Tăng	3.883.695.879	288.921.678
Phân bổ trong năm	(2.521.464.820)	(3.491.291.885)
Thanh lý	-	(295.226.288)
Số dư cuối năm	<u>1.582.586.609</u>	<u>220.355.550</u>

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	1.383.873.724	828.909.844
Chi phí dịch vụ trả trước	770.806.387	1.616.261.651
Công cụ, dụng cụ	438.654.861	36.629.176
	<u>2.593.334.972</u>	<u>2.481.800.671</u>

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.481.800.671	15.917.343.977
Tăng	1.789.863.494	-
Phân bổ trong năm	(1.678.329.193)	(4.105.924.955)
Thanh lý	-	(9.329.618.351)
Số dư cuối năm	<u>2.593.334.972</u>	<u>2.481.800.671</u>

10 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.797.869.149	3.139.273.637	4.937.142.786
Mua trong năm	35.909.091	-	35.909.091
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.139.273.637)	(3.139.273.637)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>1.833.778.240</u>	<u>-</u>	<u>1.833.778.240</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.431.051.671	3.098.115.431	4.529.167.102
Khấu hao trong năm	109.491.067	41.158.206	150.649.273
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.139.273.637)	(3.139.273.637)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>1.540.542.738</u>	<u>-</u>	<u>1.540.542.738</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	<u>366.817.478</u>	<u>41.158.206</u>	<u>407.975.684</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u><u>293.235.502</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>293.235.502</u></u>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.181.122.376 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.814.706.013 Đồng).

(b) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Nhãn hiệu, tên thương mại VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	4.500.000.000	2.524.382.154	7.024.382.154
Thanh lý, nhượng bán	(4.500.000.000)	-	(4.500.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>-</u>	<u>2.524.382.154</u>	<u>2.524.382.154</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-	649.178.912	649.178.912
Khấu hao trong năm	-	60.076.872	60.076.872
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>-</u>	<u>709.255.784</u>	<u>709.255.784</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	<u>4.500.000.000</u>	<u>1.875.203.242</u>	<u>6.375.203.242</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u><u>-</u></u>	<u><u>1.815.126.370</u></u>	<u><u>1.815.126.370</u></u>

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo từng dự án như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự án khác	-	86.363.637
	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.086.363.637</u>

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính riêng này, dự án trên vẫn đang trong quá trình triển khai.

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>2022</u>		<u>2021</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	174.090.520	174.090.520	286.000.000	286.000.000
Công ty TNHH Quảng cáo Phượng Hoàng	152.800.560	152.800.560	-	-
Khác	1.094.884.526	1.094.884.526	3.301.672.687	2.593.172.688
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	5.060.000	5.060.000	1.082.700.000	1.082.700.000
	<u>1.426.835.606</u>	<u>1.426.835.606</u>	<u>4.670.372.687</u>	<u>3.961.872.688</u>

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2022	2021
	VND	VND
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.338.000.000
	<u>-</u>	<u>1.338.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B09 – DN

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã căn trừ trong năm VND	Phân loại lại trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
(a) Phải thu						
Thuế GTGT được khấu trừ	1.375.907.228	2.373.206.755	(3.749.113.983)	-	-	-
(b) Phải nộp						
Thuế TNDN	284.041.125	-	-	(273.617.826)	(10.423.299)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.917.434.511	2.846.971.061	-	(1.792.478.034)	(2.458.080.204)	513.847.334
Thuế GTGT	-	4.612.455.864	(3.749.113.983)	-	-	863.341.881
Khác	5.000.000	3.000.000	-	2.066.095.860	(9.850.223)	2.064.245.637
	2.206.475.636	7.462.426.925	(3.749.113.983)	-	(2.478.353.726)	3.441.434.852

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Lương tháng 13	1.108.560.000	-
Mua hàng	1.775.940.019	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.510.910	-
Chi phí thuê văn phòng	-	1.151.700.000
Khác	700.000	151.495.829
	<u>3.414.710.929</u>	<u>1.303.195.829</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Phải trả từ chuyển nhượng vốn góp	56.500.000.000	38.400.000.000
Lãi vay	1.162.655.794	-
Nhận đặt cọc	-	58.800.000.000
Khác	3.159.935.546	6.308.092.337
	<u>60.822.591.340</u>	<u>103.508.092.337</u>
Trong đó:		
Bên thứ ba	60.743.351.304	44.637.066.091
Bên liên quan (Thuyết minh 29(b))	79.240.036	58.871.026.246
	<u>60.822.591.340</u>	<u>103.508.092.337</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B09 – DN

17 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Cán trừ (*) VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Bên thứ ba (i)	14.196.000.000	36.000.000.000	(12.907.000.000)	(9.289.000.000)	28.000.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 29) (ii)	7.678.101.883	17.189.675.636	(9.657.368.119)	-	15.210.409.400
	<u>21.874.101.883</u>	<u>53.189.675.636</u>	<u>(22.564.368.119)</u>	<u>(9.289.000.000)</u>	<u>43.210.409.400</u>

(i) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các bên thứ ba với lãi suất từ 6%/năm đến 8%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam từ các bên liên quan với lãi suất 8%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng và không có tài sản đảm bảo.

(*) Đây là khoản cán trừ giữa vay ngắn hạn với khoản cho vay ngắn hạn và khoản phải thu từ thanh lý TSCĐ.

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	31.279.968	-	31.279.968	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	-	31.279.968	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.279.968	-	31.279.968	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ancla Asset Ltd.	3.419.249	10,93	3.419.249	10,93
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	-	-	7.731.408	24,72
DFJ VinaCapital Venture Investment Ltd.	-	-	3.048.192	9,74
Cổ đông khác	27.860.719	89,07	17.081.119	54,61
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.279.968	100	31.279.968	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	31.279.968	312.799.680.000	312.799.680.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B09 – DN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	312.799.680.000	772.918.333.797	307.313.824.355	1.393.031.838.152
Lỗ thuần trong năm	-	-	(216.346.811.598)	(216.346.811.598)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	(2.766.166.333)	(2.766.166.333)
Sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xóa lỗ	-	(222.044.855.543)	222.044.855.543	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	312.799.680.000	550.873.478.254	310.245.701.967	1.173.918.860.221
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	9.663.107.327	9.663.107.327
Thù lao Hội đồng Quản trị (i)	-	-	(2.242.202.700)	(2.242.202.700)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022 số 156/2022/YEG/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, ĐHĐCĐ thông qua việc phê duyệt thù lao Hội đồng Quản trị với số tiền là 2.242.202.700 Đồng.

20 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần về cho thuê mặt bằng và tư vấn chiến lược	38.714.716.552	24.943.129.239
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	3.054.882.154	-
Doanh thu thuần khác	1.123.800.000	6.357.209.378
	<u>42.893.398.706</u>	<u>31.300.338.617</u>

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn cho thuê mặt bằng và tư vấn chiến lược	26.437.321.185	24.943.129.239
Giá vốn hàng bán	2.953.292.199	-
Giá vốn khác	941.820.001	6.191.224.597
	<u>30.332.433.385</u>	<u>31.134.353.836</u>

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức được chia (Thuyết minh 29(a))	16.999.811.111	44.160.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.019.332.573	626.799.513
Lãi thuần từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	-	212.280.001.061
Khác	238.287.000	-
	<u>28.257.430.684</u>	<u>257.066.800.574</u>

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	5.728.293.839	425.506.376.567
Chi phí lãi vay	1.569.190.149	754.848.361
	<u>7.297.483.988</u>	<u>426.261.224.928</u>

24 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.158.206	246.948.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.111.111	580.000.000
	<u>52.269.317</u>	<u>826.948.996</u>

25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.082.633.293	8.598.695.049
Chi phí đồ dùng văn phòng, công cụ dụng cụ	3.474.186.638	4.649.828.606
Chi phí nhân viên	1.352.921.942	1.712.692.750
Chi phí thuê văn phòng	423.456.927	942.658.970
Chi phí dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	200.000.000	6.380.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	169.567.939	242.240.075
	<u>13.702.766.739</u>	<u>22.526.115.450</u>

26 THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Thu nhập khác		
Lãi thuần từ thanh lý TSCĐ	2.534.636.364	-
Khác	290.622.232	-
	<u>2.825.258.596</u>	<u>-</u>
Chi phí khác		
Chi phí từ thiện	12.012.022.397	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	16.645.979.157
Lỗ thuần do thanh lý chi phí trả trước	-	4.651.704.616
Khác	916.004.833	880.462.931
	<u>12.928.027.230</u>	<u>22.178.146.704</u>

27 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	9.663.107.327	(214.559.650.723)
Thuế tính ở thuế suất 20%	1.932.621.465	(42.911.930.145)
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(3.399.962.222)	(8.832.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	2.703.171.116	3.825.761.526
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	(1.235.830.359)	-
Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	-	47.918.168.619
Dự phòng thiếu của các năm trước	-	1.787.160.875
Chi phí thuế TNDN (*)	-	1.787.160.875
Chi phí thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:		
Thuế TNDN - hiện hành	-	1.787.160.875
Thuế TNDN - hoãn lại	-	-
	-	1.787.160.875

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ phát sinh VND	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2019	Đã thanh tra thuế	6.468.353.095	(6.179.151.796)	289.201.299
2020	Chưa thanh tra thuế	79.215.247.770	-	79.215.247.770
2021	Chưa thanh tra thuế	239.590.843.095	-	239.590.843.095

Công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Công ty có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

28 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	27.058.438.838	18.045.076.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.190.825.621	20.377.869.281
Chi phí khấu hao TSCĐ	210.726.145	489.189.071
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	200.000.000	6.380.000.000
Chi phí khác	3.474.186.638	4.649.828.606
	<u>41.134.177.242</u>	<u>49.941.963.737</u>

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con
Công ty Cổ phần AppNews	Công ty con
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	Công ty con
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	Công ty con (đến ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Yeah1	Công ty con (đến ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	Công ty con (đến ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	Công ty con (đến ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	Công ty con (đến ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty thành viên thuộc Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Công ty TNHH Yeah1 Vision	Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tống	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 15 tháng 6 năm 2022)
Ông Đào Phúc Trí	Ban Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ban Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Ban Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Nguyễn Vũ Nghị	Ban Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 5 năm 2022)
Ông Trần Thanh Tân	Ban Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 5 năm 2022 đến ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Lê Minh Nhật Tín	Ban Tổng Giám đốc (từ ngày 16 tháng 2 năm 2022)
Ông Võ Thái Phong	Bên liên quan khác (đến ngày 15 tháng 6 năm 2022)

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022 VND	2021 VND
<i>i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	5.400.000.000	13.209.510.247
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.040.000.000	2.425.650.241
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	3.750.000.000	2.505.236.012
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	3.018.181.818	1.639.984.773
Các công ty con khác	1.066.534.731	9.207.164.797
Các công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	-	501.037.714
	<u>18.274.716.549</u>	<u>29.488.583.784</u>
<i>ii) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	13.292.299.621	1.162.529.275
Các công ty con khác	54.992.041	1.166.130.909
	<u>13.347.291.662</u>	<u>2.328.660.184</u>
<i>iii) Cho vay</i>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	78.552.000.000	107.075.414.500
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	15.947.610.791	73.151.789.141
Các công ty con khác	14.840.818.395	20.884.082.326
	<u>109.340.429.186</u>	<u>201.111.285.967</u>
<i>iv) Thu hồi cho vay</i>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	174.429.472.644	27.455.941.856
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	78.415.235.660	36.313.673.705
Các công ty con khác	8.074.363.206	111.819.843.728
	<u>260.919.071.510</u>	<u>175.589.459.289</u>

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
v) Tiền lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	1.850.849.812	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	1.579.504.106	-
Các công ty con khác	1.927.268.005	623.999.997
	<u>5.357.621.923</u>	<u>623.999.997</u>
vi) Vay (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	12.775.000.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	2.345.520.402	5.811.474.260
Các công ty con khác	2.069.155.234	19.486.093.000
Ông Võ Thái Phong	-	6.999.000.000
Ban Tổng Giám đốc	-	700.000.000
	<u>17.189.675.636</u>	<u>32.996.567.260</u>
vii) Trả tiền vay (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Quảng cáo Truyền thông TNT	4.903.014.017	-
Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1	2.780.807.102	37.647.955.700
Các công ty con khác	1.973.547.000	26.663.623.372
	<u>9.657.368.119</u>	<u>64.311.579.072</u>
viii) Chi phí lãi vay		
Các công ty con	<u>262.254.183</u>	<u>222.226.028</u>
ix) Cổ tức được chia (Thuyết minh 22)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	16.999.811.111	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	44.160.000.000
	<u>16.999.811.111</u>	<u>44.160.000.000</u>

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

		2022 VND	2021 VND
x) Hoàn trả đặt cọc			
	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	58.800.000.000	5.000.000.000
xi) Tạm ứng			
	Ông Đào Phúc Trí	6.418.422.833	65.941.440
	Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	500.000.000	31.901.074.666
	Ông Võ Thái Phong	-	11.584.547.167
		<u>6.918.422.833</u>	<u>43.551.563.273</u>
xii) Thu hồi tạm ứng			
	Ông Đào Phúc Trí	4.177.078.651	23.000.000
	Ông Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	-	12.215.273.925
	Ông Võ Thái Phong	-	4.000.000.000
		<u>4.177.078.651</u>	<u>16.238.273.925</u>
xiii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
STT	Họ và Tên	Chức danh	
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)			
1	Nguyễn Ảnh Nhượng Tổng	Chủ tịch HĐQT	- 1.212.000.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
1	Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Chủ tịch HĐQT	2.653.384.900 1.030.202.700
2	Lê Phương Thảo	– Phó Tổng Giám đốc	1.339.864.000 -
3	Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	495.926.200 -
4	Nguyễn Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	743.148.922 1.254.063.805
5	Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc	2.009.796.000 -
6	Nguyễn Vũ Nghị	Phó Tổng Giám đốc	350.000.000 840.000.000
7	Nguyễn Đặng Quỳnh Anh	Phó Tổng Giám đốc	350.000.000 4.418.750.000
8	Nguyễn Văn Cang	Phó Tổng Giám đốc	- 318.000.000
9	Hồ Nam Đông	Phó Tổng Giám đốc	- 75.000.000
			<u>7.942.120.022 7.936.016.505</u>

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	6.515.782.550	5.541.782.550
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Care	1.370.205.927	2.705.759.613
Các công ty con khác	2.401.263.071	20.507.391.997
Công ty thành viên thuộc tập đoàn	-	502.128.313
Công ty thuộc sở hữu của cổ đông Công ty	-	2.369.401.805
	<u>10.287.251.548</u>	<u>31.626.464.278</u>
ii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.663.836.000	8.863.836.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	10.150.000.000	60.699.421.541
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	95.877.472.644
Các công ty con khác	4.807.680.116	8.791.358.554
	<u>35.621.516.116</u>	<u>174.232.088.739</u>
iii) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	11.918.203.328
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	7.500.000.000
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	-	6.238.843.169
Các công ty con khác	-	5.560.000.000
	<u>-</u>	<u>31.217.046.497</u>
iv) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	17.310.978.718	-
Ông Đào Phúc Trí	5.330.485.622	4.119.344.140
Ông Nguyễn Ánh Nhượng Tổng	-	30.087.766.590
Ông Nguyễn Vũ Nghị	-	15.000.000.000
Ông Võ Thái Phong	-	7.584.547.167
Các công ty con	3.025.470.980	1.364.219.172
	<u>25.666.935.320</u>	<u>58.155.877.069</u>

29 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
v) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 7(b))		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	-	3.447.919.503
vi) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty con	5.060.000	1.082.700.000
vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)		
Công ty con	79.240.036	58.800.000.000
Ban Tổng Giám đốc	-	43.797.261
Bên liên quan khác	-	27.228.985
	<u>79.240.036</u>	<u>58.871.026.246</u>
viii) Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17)		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	12.775.000.000	-
Các công ty con khác	2.435.409.400	7.678.101.883
	<u>15.210.409.400</u>	<u>7.678.101.883</u>

30 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê bất động sản không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	3.252.270.391	1.372.388.624
Từ 1 đến 5 năm	1.524.210.000	1.149.025.097
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>4.776.480.391</u>	<u>2.521.413.721</u>

30 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**(b) Cam kết góp vốn**

	2022		
	Vốn cam kết VND	Vốn đã góp VND	Vốn còn phải góp VND
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
	<u>30.630.060.000</u>	<u>10.560.000.000</u>	<u>20.070.060.000</u>
	2021		
	Vốn cam kết VND	Vốn đã góp VND	Vốn còn phải góp VND
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	13.300.000.000	10.538.000.000	2.762.000.000
Công ty Cổ phần Your Entertainment Platform	13.983.200.000	8.588.216.000	5.394.984.000
	<u>44.613.260.000</u>	<u>19.148.216.000</u>	<u>25.465.044.000</u>

31 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**(a) Thành lập công ty con**

Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn thành lập Công ty TNHH 1Production với vốn điều lệ 2.000.000.000 Đồng. Theo đó, Công ty đã nắm giữ 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của công ty này.

(b) Tăng vốn các công ty con

Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn góp tại Công ty TNHH 1Production và Công ty TNHH Yeah1 Up với số tiền lần lượt là 137.000.000.000 Đồng và 23.000.000.000 Đồng. Cũng theo việc chuyển nhượng này, Công ty TNHH Yeah1 Up đã trở thành công ty con trực tiếp của Công ty.

(c) Mua các công ty liên kết

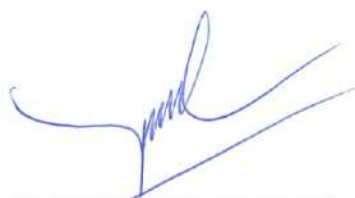
Trong tháng 2 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua 35% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital và 35% số cổ phần tại Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam. Theo đó, các công ty này trở thành công ty liên kết của Công ty.

31 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM (tiếp theo)

(d) Phát hành cổ phiếu

Trong tháng 3 năm 2023, Công ty đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư chiến lược của Công ty. Theo đó, Công ty dự kiến sẽ phát hành 45.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phiếu.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 31 tháng 3 năm 2023.



Nguyễn Thị Khánh Trang
Người lập/ Kế toán trưởng



Ché Đoàn Viên
Quyền Phó Tổng Giám đốc
Tài chính



Lê Phương Thảo
Chủ tịch

